

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 39/2007/QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện
các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 85/TTr-KHCN ngày 13 tháng 3 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 491/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời về phương thức làm việc của Hội đồng xác định nhiệm vụ, Hội đồng xác định đề cương chi tiết, Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Quyết định số 492/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời về tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Quyết định số 493/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời về phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Quyết định số 494/QĐ-CT ngày 15 tháng 4 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định tạm thời về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 3: Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND

ngày 09/4/2007 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. *Phạm vi điều chỉnh:* Quy định này nhằm cụ thể trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, được triển khai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. *Đối tượng áp dụng:* Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ:* Là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức: đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ, một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

2. *Đề tài nghiên cứu khoa học:* Là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế được thể hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình khoa học và công nghệ.

3. *Dự án khoa học và công nghệ:* Là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống. Dự án có thể độc lập hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ.

4. *Chương trình khoa học và công nghệ:* Bao gồm nhóm các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ được tập hợp theo một mục đích xác định, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ cụ thể hoặc ứng dụng vào thực tiễn.

5. *Một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác:* Là những vấn đề khoa học và công nghệ mang tính tổng kết thực tiễn; được thể hiện bằng các chuyên đề khoa học nhằm giải quyết kịp thời những nhiệm vụ cấp bách, phục vụ công tác quản lý của ngành, địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Căn cứ xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ; các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và văn bản chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Từ yêu cầu giải quyết các vấn đề cơ bản, lâu dài trong chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh mà nội dung có giá trị khoa học, tính sáng tạo, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, cấp bách cần được giải quyết kịp thời do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh giao.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đăng ký, đề xuất.

5. Các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế.

Điều 4. Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục, lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp trình Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh.

2. Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh đánh giá, xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm.

3. Căn cứ danh mục do Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh đề xuất, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện mục tiêu, nội dung, dự kiến kết quả đạt được của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 5. Hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo 2 hình thức: tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

1. *Tổ chức tuyển chọn*: Áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện thông qua hình thức đấu thầu.

2. *Giao trực tiếp*: Áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có yêu cầu đặc biệt, nội dung nghiên cứu, ứng dụng có liên quan đến bí mật quốc gia, giải quyết một số nhiệm vụ cấp bách hoặc chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện.

Mục 2

TUYỂN CHỌN VÀ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Thông báo tuyển chọn

Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ

thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

Điều 7. Điều kiện tham gia tuyển chọn

1. Các tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trong cùng một thời gian, mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì thực hiện nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn phải có trình độ chuyên môn thích hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hiểu rõ vấn đề đặt ra, nắm được những yêu cầu và phương pháp thực hiện có hiệu quả. Có năng lực thực hiện, có khả năng phối kết hợp thực hiện trong phân công và liên kết lực lượng trong điều hành hoạt động.

Trong cùng một thời gian, mỗi cá nhân chỉ được chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân không được tham gia tuyển chọn khi chưa hoàn thành đúng hạn việc quyết toán, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc chưa hoàn trả lại kinh phí thu hồi của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã thực hiện trước đó.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Lý lịch khoa học của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức, cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện (nếu có).

Hồ sơ tham gia tuyển chọn theo mẫu và nộp về Sở Khoa học và Công nghệ theo hướng dẫn.

Điều 9. Thành lập Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn có từ 7-9 thành viên, gồm: Chủ tịch và các thành viên. Thành viên Hội đồng tuyển chọn là các chuyên gia có uy tín, khách quan, am hiểu sâu, có trình độ chuyên môn phù hợp trong lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chiếm từ 2/3 số thành viên trở lên, trong đó có 02 thành viên phản biện. Số thành viên còn lại là các nhà quản lý và đại diện cho các tổ chức liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ mời các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó đánh giá nhận xét bằng văn bản (chuyên gia này không phải là thành viên Hội đồng).

2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tuyển chọn:

a) Xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn;

b) Tư vấn, đánh giá về sự cần thiết triển khai, mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung, phương pháp tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng ứng dụng - nhân rộng, mức độ phù hợp của dự toán kinh phí, khả năng tổ chức, quản lý, triển khai của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Hội đồng làm việc khách quan, công khai, dân chủ, chấm điểm bằng cách bỏ phiếu kín theo tiêu chí đánh giá tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

Điểm đánh giá cho mỗi hồ sơ được tính bằng điểm trung bình của các thành viên Hội đồng có mặt, kết quả được công khai cuối buổi làm việc và ghi vào biên bản.

d) Kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Điều 10. Mở hồ sơ tuyển chọn

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì việc mở hồ sơ.

2. Thành phần tham dự mở hồ sơ gồm:

a) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Hội đồng tuyển chọn;

c) Đại diện các tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Kết quả mở hồ sơ tuyển chọn được thể hiện bằng biên bản.

Điều 11. Nguyên tắc xác định trúng tuyển

1. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ có số điểm cao nhất do các thành viên có mặt bỏ phiếu chấm điểm.

2. Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên cùng đăng ký một nhiệm vụ khoa học và công nghệ có số điểm bằng nhau thì tổ chức, cá nhân nào có số điểm do Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn chấm cao hơn là đối tượng trúng tuyển.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có 01 hồ sơ tham gia thì Hội đồng vẫn tổ chức đánh giá theo tiêu chuẩn và quy trình tuyển chọn.

Điều 12. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

1. Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn, mục tiêu, nội dung, thời gian, dự kiến kết quả đạt được, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả tuyển chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Điều 13. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp

1. Sở Khoa học và Công nghệ lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Điều 22 của Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải xây dựng thuyết minh và bảo vệ trước Hội đồng xét duyệt thuyết minh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

3. Tổ chức được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thực hiện theo phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho đơn vị, cá nhân trực thuộc.

Mục 3

XÉT DUYỆT THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nội dung của thuyết minh:

Thuyết minh gồm một số nội dung cơ bản như: Sự cần thiết triển khai, mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung, phương pháp tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, hiệu quả kinh tế-xã hội, khả năng ứng dụng- nhân rộng, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tiêu chí đánh giá thuyết minh theo Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Điều 15. Thành lập Hội đồng xét duyệt thuyết minh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp

1. Thành phần Hội đồng xét duyệt thuyết minh theo Khoản 1, Điều 9 của Quy định này.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt thuyết minh:

a) Nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt thuyết minh theo Điểm b, Khoản 2, Điều 9 của Quy định này.

b) Kết quả xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá bằng phiếu chấm điểm, bản nhận xét của các thành viên Hội đồng và được thể hiện bằng biên bản;

c) Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Điều 22 của Quy định này.

Mục 4

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan chức năng có trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung, tiến độ, tình hình sử dụng kinh phí. Kết quả kiểm tra được thể hiện bằng biên bản.

2. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra.

3. Căn cứ kết quả kiểm tra, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét cấp tiếp kinh phí hoặc thông báo dừng thực hiện và đề xuất biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 17. Điều chỉnh mục tiêu, nội dung thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có sự phát sinh làm thay đổi mục tiêu, nội dung, địa điểm hoặc nội dung về kỹ thuật, công nghệ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 18. Nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Khi hết thời gian thực hiện, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giao nộp đầy đủ sản phẩm, hồ sơ hợp lệ cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức nghiệm thu.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả thực hiện mà sản phẩm có các thông số kỹ thuật đặc thù thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ chuyên gia thẩm định trước khi họp Hội đồng nghiệm thu.

3. Thành phần Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Khoản 1, Điều 9 của Quy định này.

4. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nghiệm thu:

a) Hội đồng nghiệm thu có nhiệm vụ đánh giá, nhận xét mức độ hoàn thành và chất lượng sản phẩm so với Quyết định phê duyệt về: mục tiêu; đối tượng, phạm vi; nội dung; phương pháp; sản phẩm đạt được; hiệu quả kinh tế- xã hội; khả năng ứng dụng - nhân rộng; tình hình sử dụng kinh phí; quá trình tổ chức thực hiện của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, bản nhận xét, phiếu chấm điểm theo tiêu chí tại Phụ lục 3 của Quy định này và được thể hiện bằng biên bản.

5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi thông qua Hội đồng nghiệm thu cơ sở phải có sự giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 19. Công nhận, đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu trở lên thì tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 15 ngày.

2. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, trong thời gian 15 ngày Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công nhận kết quả thực hiện.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố kết quả thực hiện trên các phương tiện thông tin và lưu trữ hồ sơ theo Luật Khoa học và Công nghệ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học đăng ký bản quyền tác giả theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 20. Triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu, đánh giá kết quả đạt yêu cầu và có khả năng ứng dụng, nhân rộng thì cơ quan chủ trì, chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả vào thực tiễn.

2. Đối với các đơn vị không thực hiện việc triển khai kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng, nhân rộng vào thực tiễn, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, đề xuất hướng giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Mục 5
KINH PHÍ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 21. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi thuyết minh được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan thẩm định kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Đối với các nội dung nghiên cứu, ứng dụng có khoản chi đặc thù không có mức chi được quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành, Sở Khoa học và Công nghệ thuê cơ quan có chức năng thẩm định dự toán. Kinh phí thuê thẩm định được sử dụng trong kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm đã được phê duyệt.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được sử dụng từ kinh phí sự nghiệp khoa học:

a) *Đối với đề tài nghiên cứu khoa học*: Đầu tư 100% kinh phí để thực hiện (trừ những đề tài có nguồn vốn đối ứng);

b) *Đối với dự án khoa học và công nghệ*: Hỗ trợ cho các hạng mục chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ, xây dựng tài liệu kỹ thuật, sản xuất thử sản phẩm của dự án, thù lao cán bộ công nghệ, công nhân kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho dự án, thù lao cán bộ kỹ thuật cơ sở, tổ chức hội thảo, hội nghị, hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị, năng lượng; chi cho công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu và chi khác. Mức chi theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

Đối với Dự án sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện (không tính các khoản đầu tư mua sắm trang thiết bị, nhà xưởng đã có). Kinh phí thu hồi không thấp hơn 50% mức kinh phí được hỗ trợ;

c) *Đối với một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác*: Kinh phí hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng cho 01 nhiệm vụ.

4. Trong năm tài chính, kinh phí cấp phát cho Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đợt 1 không quá 70 % giá trị hợp đồng, cấp sau khi ký hợp đồng; kinh phí còn lại được cấp tiếp sau đợt kiểm tra định kỳ hoặc theo tiến độ thực hiện.

Điều 22. Phê duyệt kinh phí thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đối với: Đề tài nghiên cứu khoa học có tổng kinh phí từ 50 triệu đồng trở lên, dự án khoa học và công nghệ có tổng kinh phí từ 100 triệu đồng trở lên.

2. Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt đối với đề tài nghiên cứu khoa học có kinh phí dưới 50 triệu đồng, dự án khoa học và công nghệ có kinh phí dưới 100 triệu đồng.

Điều 23. Thanh toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh toán theo hợp đồng đã ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu với kết quả xếp loại đạt yêu cầu trở lên thì được thanh toán kinh phí theo khối lượng, sản phẩm và dự toán đã được phê duyệt. Trường hợp không đạt yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, xử lý theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bàn giao đầy đủ sản phẩm và nộp kinh phí thu hồi (nếu có) trong vòng 06 tháng kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục Nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến thực hiện hàng năm;

c) Xây dựng các mẫu biểu và hướng dẫn việc thực hiện các văn bản liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng hồ sơ tuyển chọn, thuyết minh, báo cáo kết quả thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng tuyển chọn, Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Phương thức làm việc của các Hội đồng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

e) Thẩm định kinh phí, cấp kinh phí và ký hợp đồng thực hiện các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

f) Giám sát, kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì:

a) Chỉ đạo, đôn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý Nhà nước về thực hiện các điều, khoản trong hợp đồng triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ; về việc quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả kinh phí được cấp;

b) Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính cần thiết để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, giao nộp sản phẩm theo quy định; kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ nếu có sự thay đổi về nội dung, tiến độ, dự toán kinh phí so với Quyết định phê duyệt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Tổ chức triển khai ứng dụng kết quả thực hiện vào thực tiễn sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Xây dựng hồ sơ tuyển chọn, thuyết minh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trực tiếp bảo vệ trước Hội đồng tuyển chọn, Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu;

b) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả, hiệu quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Điều 25. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Quy định này sẽ được xét khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng.

2. Xử lý vi phạm

a) Các hành vi vi phạm hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật hiện hành;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu, đánh giá chưa đạt yêu cầu so với Quyết định phê duyệt, thì Sở Khoa học và Công nghệ xem xét việc thanh toán phần kinh phí đã cấp và đề xuất biện pháp xử lý trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định;

c) Khi việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ dừng do lỗi của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tình hình thực tế và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định hiện hành;

d) Khi việc thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ dừng do nguyên nhân khách quan thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các ngành có liên quan kiểm tra tình hình thực tế và đề xuất hướng giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quản lý, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại tố cáo.

Điều 27. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hạnh

Phụ lục 1:
TIÊU CHÍ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học được tiến hành bằng phương pháp chấm điểm theo 3 nhóm tiêu chí sau:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Đề tài NCKH (điểm)	Đề tài KHXH&NV (điểm)
I	Tiêu chí 1: Giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của nội dung nghiên cứu, phương án triển khai và kết quả dự kiến đạt được (tối đa 70 điểm)	70	70
1	Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, xu hướng phát triển; sự hiểu biết cần thiết của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài về lĩnh vực nghiên cứu (những thông tin về các công trình nghiên cứu đã có liên quan, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu và các quan điểm của tác giả về sự cần thiết của đề tài,..)	10	12
2	Xác định nội dung và phương pháp nghiên cứu	30	38
2.1	<i>Luận cứ rõ cách tiếp cận và thiết kế nghiên cứu cho vấn đề cần giải quyết (khoa học, chi tiết, độc đáo)</i>	8	10
2.2	<i>Nội dung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra (hợp lý, mới, sáng tạo)</i>	12	20
2.3	<i>Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sẽ sử dụng, so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác (phù hợp, mới, sáng tạo)</i>	10	8
3	Khả năng áp dụng kết quả nghiên cứu	30	20
3.1	<i>Chứng minh được sự tham gia của cơ quan tiếp nhận kết quả nghiên cứu vào quá trình thực hiện đề tài(đề tài có địa chỉ áp dụng kết quả cụ thể...)</i>	5	4
3.2	<i>Tính khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu</i>	6	3
3.3	<i>Có phương án khả thi gắn nghiên cứu với bồi dưỡng, đào tạo cán bộ khoa học công nghệ</i>	4	3
3.4	<i>Sản phẩm đầu ra rõ ràng, cụ thể. Tạo ra sản phẩm cụ thể, thiết thực phục vụ phát triển kinh tế xã hội</i>	0	10
3.5	<i>Chi tiết hoá được loại hình sản phẩm của đề tài so với đặt hàng. Tạo được khối lượng sản phẩm và cụ</i>	15	0

	<i>thể hoá được các chỉ tiêu chất lượng tiên tiến</i>		
II	Tiêu chí 2: Năng lực của cá nhân và tổ chức đăng ký chủ trì đề tài (tối đa 25 điểm).	25	25
1	Kinh nghiệm nghiên cứu: số năm kinh nghiệm, số đề tài đã thực hiện trong lĩnh vực nghiên cứu.	8	8
2	Năng lực tổ chức quản lý: tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, tiến độ thực hiện, khả năng hoàn thành	4	4
3	Tiềm lực (liên quan đến đề tài tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì) của tổ chức đăng ký chủ trì	13	13
III	Tiêu chí 3: Tính hợp lý của kinh phí đề nghị (tối đa 5 điểm)	5	5
	Cộng	100	100

II. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án khoa học và công nghệ được tiến hành bằng phương pháp chấm điểm theo 3 nhóm tiêu chí sau:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm
I	Tiêu chí 1: Giá trị công nghệ và kinh tế của phương án phát triển và kết quả dự kiến (tối đa 65 điểm)	65
1	Đánh giá tổng quan trình độ công nghệ trong và ngoài nước và xu hướng phát triển: sự am hiểu và nắm bắt thông tin về các công nghệ, kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến dự án, quan điểm của tác giả về sự cần thiết của dự án, về luận cứ xuất xứ của dự án.	20
2	Xác định nội dung và các vấn đề đặt ra mà dự án cần triển khai thực hiện	20
2.1	<i>Luận cứ rõ những vấn đề trọng tâm mà dự án cần hướng tới để triển khai thực hiện nhằm đạt được mục tiêu, sản phẩm mà dự án đặt ra (hợp lý, sáng tạo)</i>	10
2.2	<i>Nội dung, trình tự các bước công việc thực hiện để giải quyết các vấn đề đặt ra</i>	10
3	Phương án triển khai	30
3.1	<i>Phương án tổ chức sản xuất thực nghiệm: tính hợp lý, tính khả thi của các điều kiện về địa điểm, mặt bằng, nhà xưởng, nhân lực, vật tư, thiết bị, sơ đồ quy trình công nghệ, yếu tố môi trường và giải pháp khắc phục.</i>	10
3.2	<i>Phương án tài chính: phân tích và tính toán tài chính quá trình thực hiện dự án về chủng loại sản phẩm và khối lượng sản phẩm (đầy đủ và chính xác)</i>	10
3.3	<i>Phương án tiêu thụ sản phẩm và khả năng hoàn trả kinh phí thu</i>	10

	<i>hỏi: chứng minh được đầu ra của sản phẩm (có nhu cầu và địa chỉ tiêu thụ cụ thể, giá thành và chất lượng sản phẩm được xã hội chấp nhận).</i>	
4	Sản phẩm của dự án và khả năng phát triển của dự án sau khi kết thúc: chứng minh được tính ổn định và tiên tiến của công nghệ, chất lượng và giá thành sản phẩm, phân tích và làm rõ được tính khả thi của phương án chuyển giao công nghệ hoặc mở rộng sản xuất.	10
II	Tiêu chí 2: Năng lực của cá nhân và tổ chức đăng ký chủ trì dự án (tối đa 25 điểm)	25
1	Kinh nghiệm thực tế sản xuất, kinh doanh và những thành tựu nổi bật về triển khai công nghệ thuộc lĩnh vực nghiên cứu dự án của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm dự án	10
2	Tiềm lực (liên quan đến dự án tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì) của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện dự án	15
2.1	<i>Cơ sở vật chất (thiết bị, nhà xưởng,...) hiện có đảm bảo cho việc thực hiện</i>	8
2.2	<i>Điều kiện đảm bảo về nhân lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thành tựu triển khai công nghệ của những người tham gia thực hiện</i>	7
III	Tiêu chí 3: Tính hợp lý của kinh phí đề nghị hỗ trợ (tối đa 10 điểm)	10
1	Tính hợp lý sát thực tế và có đủ luận cứ của kinh phí đề nghị hỗ trợ, mức độ chi tiết của dự toán	2
2	Tính khả thi của việc huy động các nguồn vốn khác cho việc thực hiện dự án	8
	Cộng	100

III. Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn xếp thứ tự ưu tiên các hồ sơ có số điểm trung bình từ 60/100 điểm trở lên. Trong đó, số điểm trung bình về giá trị khoa học và thực tiễn tối thiểu phải đạt 40/70 điểm, theo các nguyên tắc: điểm trung bình theo thứ tự từ cao xuống thấp; ưu tiên điểm về giá trị khoa học và thực tiễn đối với các hồ sơ có cùng số điểm trung bình; ưu tiên điểm của Chủ tịch Hội đồng đối với các hồ sơ có cùng số điểm trung bình và cùng số điểm về giá trị khoa học và thực tiễn.

2. Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng cao nhất, nhưng số điểm trung bình phải đạt tối thiểu 60/100 điểm, trong đó, số điểm về giá trị khoa học và thực tiễn tối thiểu phải đạt 40/70 điểm.

a) Trường hợp có từ 02 hồ sơ đạt số điểm trung bình của tổng số điểm từ 60/100 điểm trở lên và trong đó điểm trung bình về giá trị khoa học và thực tiễn tối thiểu đạt 40/70 điểm, Hội đồng tuyển chọn xếp thứ tự ưu tiên các hồ sơ theo nguyên tắc: điểm trung bình của tổng số điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp; ưu tiên điểm trung bình về

giá trị khoa học và thực tiễn cao hơn đối với các hồ sơ có cùng số điểm trung bình của tổng số điểm; ưu tiên điểm của Chủ tịch Hội đồng đối với các hồ sơ có cùng số điểm trung bình của tổng số điểm và cùng số điểm trung bình về giá trị khoa học và thực tiễn;

b) Trường hợp các hồ sơ có cùng số điểm trung bình của tổng số điểm, cùng điểm trung bình về giá trị khoa học và thực tiễn, cùng điểm của Chủ tịch Hội đồng, thì Hội đồng kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển từ chối Nhiệm vụ mình được tuyển chọn thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình tiếp theo sẽ được thay thế, nhưng vẫn phải bảo đảm đạt từ 60/100 điểm trở lên, trong đó số điểm về giá trị khoa học và thực tiễn tối thiểu phải đạt 40/70 điểm;

d) Trường hợp một Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có hồ sơ nào đạt số điểm trung bình từ 60/100 điểm trở lên, Nhiệm vụ này sẽ không được đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch.

Thư ký tổng hợp, công bố kết quả chấm điểm, thông qua biên bản kết quả đánh giá về các hồ sơ đăng ký tuyển chọn và kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Phụ lục 2:
TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Tiêu chí xét duyệt thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học

Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học được đánh giá theo thang điểm 100 với 4 tiêu chí:

- Mục tiêu, nội dung, phương pháp tiến hành và dự kiến sản phẩm tạo ra của đề tài đáp ứng nhiệm vụ được giao: tối đa 40 điểm.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ (cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, các thông tin khoa học công nghệ có liên quan đến đề tài) và khả năng quản lý, tổ chức thực hiện: tối đa 10 điểm.

- Mức độ hợp lý về dự toán kinh phí so với mục tiêu, nội dung, tiến độ và nhiệm vụ của đề tài: tối đa 20 điểm.

- Khả năng áp dụng và nhân rộng kết quả của đề tài sau khi kết thúc: tối đa 30 điểm.

II. Tiêu chí xét duyệt dự án khoa học công nghệ

Thuyết minh dự án khoa học và công nghệ được đánh giá theo thang điểm 100 với 5 tiêu chí:

- Mục tiêu, nội dung và dự kiến kết quả của dự án đáp ứng nhiệm vụ được giao: tối đa 30 điểm.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ về độ ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có khả năng tổ chức triển khai dự án, cơ sở vật chất kỹ thuật, thông tin khoa học công nghệ có liên quan đến dự án: tối đa 10 điểm.

- Khả năng huy động nguồn vốn để thực hiện dự án: tối đa 10 điểm.

- Mức độ hợp lý về mục tiêu, nội dung so với dự toán kinh phí của dự án: tối đa 20 điểm.

- Khả năng tiếp nhận công nghệ của địa bàn triển khai dự án. Khả năng nhân rộng của mô hình sau khi dự án kết thúc: tối đa 30 điểm.

III. Điểm xét duyệt thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ

- Tổng số điểm tối đa: 100 điểm, có hai mức:

+ Đạt yêu cầu: Từ 60 điểm trở lên.

+ Không đạt yêu cầu: Dưới 60 điểm.

Phụ lục 3:
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Tiêu chí đánh giá, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học

1. Đề tài nghiên cứu khoa học được đánh giá theo thang điểm 100 với 9 tiêu chí:

- Mức độ hoàn thành đầy đủ về các mục tiêu, nội dung, số lượng, chủng loại, chất lượng các sản phẩm của đề tài theo thuyết minh chi tiết và hợp đồng: tối đa 20 điểm.

- Các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra, khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra, khảo sát: tối đa 15 điểm.

- Mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, bản vẽ thiết kế, tư liệu công nghệ: tối đa 15 điểm.

- Tính mới, tính sáng tạo của đề tài: tối đa 10 điểm.

- Tình hình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài (bài báo, ấn phẩm,...): tối đa 5 điểm.

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng: tối đa 15 điểm.

- Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội (sản phẩm khoa học công nghệ đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế; cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở khoa học đã được sử dụng trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao,...): tối đa 10 điểm.

- Đánh giá về tổ chức và quản lý của đề tài: tối đa 5 điểm.

- Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài: tối đa 5 điểm.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học được đánh giá ở 4 mức:

- Không đạt yêu cầu: Có điểm trung bình dưới 50 điểm.

- Đạt yêu cầu: Có điểm trung bình từ 50 đến dưới 70 điểm.

- Loại Khá: Có điểm trung bình từ 70 đến dưới 90 điểm.

- Loại Xuất sắc: Có điểm trung bình từ 90 điểm đến 100 điểm, trong đó đạt điểm tối đa về hoàn thành đầy đủ các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ được giao (20/20 điểm); điểm tối đa về giá trị ứng dụng (15/15 điểm); điểm tối đa cho tính mới, tính sáng tạo (10/10 điểm).

II. Tiêu chí đánh giá, nghiệm thu dự án khoa học và công nghệ

1. Dự án khoa học và công nghệ được đánh giá theo thang điểm 100 điểm với 5 tiêu chí:

- Mức độ thực hiện các mục tiêu về khoa học và công nghệ: tối đa 20 điểm.
- Mức độ thực hiện nội dung, quy mô đã được phê duyệt: tối đa 20 điểm.
- Hiệu quả kinh tế trực tiếp của dự án: tối đa 20 điểm.
- Phương án tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án: tối đa 10 điểm.
- Khả năng duy trì, phát triển nhân rộng kết quả mô hình của dự án: tối đa 30 điểm.

2. Dự án khoa học và công nghệ được đánh giá ở 4 mức:

- Không đạt yêu cầu: Có điểm trung bình dưới 50 điểm.
- Đạt yêu cầu: Có điểm trung bình từ 50 đến dưới 70 điểm.
- Loại Khá: Có điểm trung bình từ 70 đến dưới 90 điểm.
- Loại Xuất sắc: Có điểm trung bình từ 90 điểm đến 100 điểm.